TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P,** **TỈNH ANGIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 8 – 2023

"V/v Ly hôn giữa
bà T và ông A "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng

2. Bà Nguyễn Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh An Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Vỉnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn, trông chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973, *(có đơn xin vắng mặt).*

2. Bị đơn: Ông Châu Văn A, sinh năm 1976, *(có đơn xin vắng mặt).*

Cùng nơi cư trú: Số D, tổ A, khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

+ Về hôn nhân: năm 2003, bà và ông A tự tìm hiểu và đồng ý và tiến đến hôn nhân. Sau đó có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 208/2012, Quyển số 02/2012, ngày 24/12/2012. Vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do ông A ăn chơi, rượu chè mà không

lo làm ăn, nhiều lần bà khuyên can nhưng ông A không thay đổi, mà còn thường xuyên chửi mắng và đánh đập bà. Vợ chồng sinh hoạt không hoà hợp, không gần gũi và yêu thương nhau, nhiều lần bà có ý định ly hôn nhưng vì con nên đã bỏ qua mà vẫn sống tiếp.

Ngày 28/7/2023, Toà án làm việc với ông A, ông A xin thời gian 01 tuần để hàn gắn từ ngày 28/7/2023 đến ngày 04/8/2023. Nhưng thời gian đó ông A vẫn không thay đổi mà chứng nào tật nấy, vẫn tiếp tục rượu chè, đánh đập và chửi mắng vợ con. Ngày 03/8/2023 bà chở con đi khám răng thì ông A ghen tuông vô cớ, chạy đến trước phòng khám và đánh đập bà. Nay, bà không chịu đựng được nữa và yêu cầu ly hôn ông A.

+ Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Châu Thu N, sinh ngày 16/01/2006 và Châu Quý H, sinh ngày 25/01/2013, trước đây 02 con đang sống chung nhà với hai vợ chồng, nhưng hiện nay bà thuê chỗ ở buôn bán trong chợ tại thị trấn C, các con đều do bà chăm sóc và đang sống ở nơi đó với bà. Khi ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con;

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

- Tại Bản tự khai ngày 28/7/2023 của ông Châu Văn A (là bị đơn) trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân, ông và bà T quen nhau năm 2003 và tiến đến hôn nhân, sống chung như vợ chồng đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C. Vợ chồng từ trước đến nay không có mâu thuẫn. Vợ chồng sống bằng nghề bán thịt bò, ông thì chạy xe đi bán còn bà T thì bán tại nhà, tiền bán thịt bò của ai thì người nấy xài, còn về con cái thì do bà T bỏ tiền ra lo. Ông thường hay uống rượu 02 – 03 lần/tuần, nhưng khi uống rượu say về ông chỉ ngủ mà không có đánh hay chửi mắng vợ con.

Khoảng 02 – 03 ngày trước ngày 28/7/2023, ông và bà T có cự cãi và đánh nhau do mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, bà T có cầm cây đánh ông bị thương ở chân.

Nay, bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ và vì các con. Ông xin thời gian 01 tuần để hàn gắn tình cảm vợ chồng (thời gian hàn gắn từ ngày 28/7/2023 đến ngày 04/8/2023), nếu hết thời hạn mà ông không thông báo kết quả hàn gắn cho Toà án thì xem như ông không hàn gắn được, tuỳ theo quyết định của Toà án.

+ Về con chung: có 02 con chung tên Châu Thu N, sinh ngày 16/01/2006 và Châu Quý H, sinh ngày 25/01/2013, 02 con đang sống với hai vợ chồng. nếu Toà án cho ly hôn thì tuỳ theo nguyên vọng của con muốn được sống với bà T hoặc với ông, nếu sống với bà T thì ông không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản và nợ chungcó.

Ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết cho đến khi kết thúc vụ án, do ông bận làm ăn.

- Tại Biên bản xác minh ngày 28/7/2023 của Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của bà T và ông A, được ông Châu Văn H1 (chú ruột ông A) cho biết, ông không biết mâu thuẫn giữa bà T và ông A, nhưng ông biết vợ chồng có hay cự cãi, ông không rõ nguyên nhân, ông A thường xuyên uống rượu bia, lúc say thì chửi mắng và đe dọa đánh bà T. Nhiều lần ông khuyên can nhưng ông A vẫn không thay đổi, tính nào tật đó. Bà T yêu cầu ly hôn ông A thì vợ chồng tự quyết định, ông không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị ội đồng xét xử Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Châu Văn A theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; về nuôi con chung, giao 02 con chung tên Châu Thu N, sinh ngày 16/01/2006 và Châu Quý H, sinh ngày 25/01/2013 cho bà T tiếp tục nuôi theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con, nên ông A không phải cấp dưỡng; về chia tài sản, hai bên không có yêu cầu nên không xem xét; về án phí bà T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Châu Văn A, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T và ông A đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông A.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của bà T và ông A là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của ông bà thấy rằng, vợ chồng mâu thuẫn theo bà T khai do ông A ăn chơi, rượu chè, ghen tuông vô cớ và có hành vi bạo lực gia đình; ông A cho rằng ông bà không có mâu thuẫn, nhưng gần đây ông bà cự cãi đánh nhau do mâu thuẫn về tiền bạc. Bà T yêu cầu ly hôn, ông A không đồng ý ly hôn, ông cho rằng còn thương vợ và vì các con. Hội đồng xét xử nhận thấy, vợ chồng có thời gian dài mâu thuẫn từ năm 2013 đến nay, người thân ông A cho biết ông thường xuyên uống rượu bia, lúc say thì chửi mắng và đe dọa đánh bà T, hơn nữa từ lúc bà T khởi kiện ly hôn đến nay ông A không hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại Tòa án ông xin thời gian một tuần để hàn gắn, nhưng ông A không hàn gắn mà còn có hành vi bạo lực gia đình đánh bà T, bà T cương quyết ly hôn. Cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa bà T và ông A.

[2.2] Về nuôi con chung: bà T yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con là cháu N, cháu H, cả 02 con đã trên 07 tuổi đều có nguyện vọng sống với bà T. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con tên Châu Thu N, Châu Quý H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*, nhưng bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng cho con là tự nguyện của bà, Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình ông A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản : bà T và ông A khai không có và không yêu cầu giải quyết, nên Toà án không đề cập.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông A trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm, bà T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Châu Văn A, Giấy chứng nhận kết hôn số 208/2012, Quyển số 02/2012, ngày 24/12/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao 02 con chung tên Châu Thu N, sinh ngày 16/01/2006; Châu Quý H, sinh ngày 25/01/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T đang nuôi. Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con, nên ông A không phải cấp dưỡng.

Ông A không trực tiếp nuôi con, ông có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không có.

Nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông A trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006232 ngày 08 – 6 – 22023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương